TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/HS-ST
Ngày 20-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đông và ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Quý -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 168/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Tuyết N**; giới tính: nữ; sinh ngày 20/8/1994 tại: Bố Trạch, Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã B, huyện B, tỉnh QB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Hải (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị Hà (sinh năm 1965); Chồng: Phạm Văn Phà (đã ly hôn năm 2016); Có 01 con sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/9/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Toàn Th, sinh năm 2000; Trú tại: Thôn Phú Gia 1, xã Ninh Phước, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1991; Trú tại: Tổ 3, thôn X, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Q. Có mặt.

2/ Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 3, thôn X, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Q. Có mặt.

3/ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1964; Trú tại: Tổ 3, thôn X, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết N từng ở chung dãy trọ tại địa chỉ: Kiệt số 190 Hùng Vương thuộc khối phố Mỹ Nam, phường A, thành phố T, tỉnh Q với chị Nguyễn Thị Toàn Th. Quá trình ở trọ, Mai nhiều lần thấy chị Th sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92Y1- 082.12 và thường bỏ chìa khóa xe thông minh trong cốp xe rồi để xe trước phòng trọ nên Mai nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên để sử dụng đi lại.

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/7/2024, Nguyễn Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen, biển kiểm soát 73H1-104.57 của mình đến phòng trọ chị Th thì thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92Y1-082.12, bên trong cốp xe có 01 áo khoác vải màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu trắng và 01 túi xách bằng da màu trắng của chị Th đang để trước phòng trọ nên có ý định chiếm đoạt. Mai quay về phòng trọ mới của mình tại địa chỉ số nhà 31 đường Trần Nguyên Hãn thuộc khối phố Mỹ Hiệp, phường A, thành phố T để cất xe rồi đi bộ một mình qua lại phòng trọ chị Th. Lúc này khoảng 00 giờ 05 phút ngày 12/7/2024, lợi dụng lúc trời khuya, mọi người đã đi ngủ, quan sát thấy không có người quản lý xe mô tô, biết chị Th để chìa khóa xe thông mình trong cốp xe nên Mai đi đến dùng ngón tay cái ấn vào núm chìa khóa của xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92Y1-082.12 thì thấy đỏ đèn, Mai tiếp dùng ngón cái và ngón trỏ của tay phải vặn núm chìa khóa theo chiều kim đồng hồ để mở khóa xe của chị Th. Sau đó, Mai dắt xe mô tô trên ra một đoạn rồi đề nổ máy và điều khiển xe mô tô này đi đến cầu Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Thạnh, thành phố T thì dừng xe lại, Mai cởi áo khoác ngoài và áo khoác chống nắng đang mặc trên người vứt xuống sông rồi điều khiển xe về phòng trọ ở đường Trần Nguyên Hãn cất giấu. Đến chiều ngày 12/7/2024, Mai điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được đi làm tại quán nhậu Gin gần chợ Kế Xuyên thuộc xã Bình Trung, huyện Thăng Bình, tỉnh Q. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi làm xong, Mai điều khiển chiếc xe mô tô trên đi về nhà anh Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1991, (là chồng đã tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn) trú tại thôn X, xã BĐ, huyện TB, tỉnh Q. Trên đường đi, khi đi đến gần cửa hàng xăng dầu PVOIL thuộc xã BQ, huyện TB, tỉnh Q thì Mai dừng xe lại. Tại đây, Mai sử dụng tua vít tìm thấy trong cốp xe và tự cạy biển kiểm soát 92Y1-082.12 đang gắn trên xe rồi vứt tại một bụi cây gần đó, sau đó Mai tiếp tục điều khiển xe mô tô trộm cắp được chạy về nhà anh Nguyễn Tấn Q cất giấu.

** Tang vật tạm giữ:*

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen đỏ, số máy: JF63E2326926, số khung: 6323HZ272150 (đã qua sử dụng), không gắn biển kiểm soát.

- 01 (một) chìa khóa thông minh.

- 01 (một) biển kiểm soát 92Y1-082.12.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, số máy: JF46E-4054979, số khung: RLHJF4604DY227829, biển kiểm soát 73H1-104.57.

- 01 (một) áo khoác vải màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng (có lôgô “nón thể thao cao cấp Trí Liễu") đã

qua sử dụng.

- 01 (một) túi xách bằng da màu trắng đã qua sử dụng.

- 01 (một) đĩa DVD chứa đoạn video trích xuất từ dữ liệu camera ghi lại hình ảnh trộm cắp tài sản của Nguyễn Thị Tuyết N.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 30/7/2024 và số 67/KL-HĐĐGTS ngày 04/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T xác định:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen đỏ, gắn biển kiểm soát 92Y1- 082.12 có giá trị 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

+ 01 (một) áo khoác vải màu đen có giá trị 0 đồng (không đồng).

+ 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng (có lô gô "nón thể thao cao cấp Trí Liễu"), có giá trị 0 đồng (không đồng).

+ 01 (một) túi xách bằng da màu trắng có giá trị 0 đồng (không đồng).

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Tại bản Cáo trạng số 165/CT-VKSTK-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q quyết định truy tố Nguyễn Thị Tuyết N về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T, tỉnh Q và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q theo quy định tại Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào lúc 00 giờ 05 phút, ngày 12/7/2024, tại dãy trọ ở Kiệt số 190 Hùng Vương thuộc khối phố Mỹ Nam, phường A, thành phố T, Nguyễn Thị Tuyết N đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 92Y1-082.12 bên trong cốp xe có 01 áo khoác vải màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu trắng và 01 túi xách bằng da màu trắng, trị giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của bị hại Nguyễn Thị Toàn Th. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, người nào có hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị, bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức điều đó nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã lợi dụng lúc vắng người, mất cảnh giác của người quản lý tài sản thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

[2.3] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo là trụ cột gia đình, không nghề nghiệp ổn định, một mình nuôi con nhỏ. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[2.4] Về áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự: Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[2.5] Về loại hình phạt áp dụng: Hành vi của bị cáo là cố ý, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm.

[2.6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.7] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen đỏ, số máy: JF63E2326926, số khung: 6323HZ272150, biển kiểm soát 92Y1-082.12: qua xác minh xe này đứng tên đăng ký là Nguyễn Th - cha ruột bà Nguyễn Thị Toàn Th. Ông Th đã cho chiếc xe mô tô trên cho bà Th sử dụng để đi lại. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị Toàn Th là đúng pháp luật.

- 01 (một) chìa khóa thông minh; 01 (một) áo khoác vải màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng (có lôgô "nón thể thao cao cấp Trí Liễu"); 01 (một) túi xách bằng da màu trắng là của bà Nguyễn Thị Toàn Th. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị Toàn Th là đúng pháp luật.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, số máy: JF46E-4054979, số khung: RLHJF4604DY227829, biển kiểm soát 73H1-104.57: qua xác minh, xe này đứng tên đăng ký Nguyễn Thị Tuyết N. Ngày 11/7/2024, bị cáo Mai sử dụng xe mô tô trên đi đến phòng trọ của bà Nguyễn Thị Toàn Th, sau đó đi xe của mình về lại phòng trọ cất rồi đi bộ sang phòng trọ của bà Th trộm cắp xe mô tô của bà Th. Xét thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, biển kiểm soát 73H1-104.57 trên có liên quan trong vụ án nhưng không phải là công cụ phạm tội, không phải là tài sản do phạm tội mà có nên cần trả lại cho Nguyễn Thị Tuyết N.

[2.8] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Toàn Th đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đen đỏ, số máy: JF63E2326926, số khung: 6323HZ272150, biển kiểm soát 92Y1-082.12 và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về các vấn đề khác: Đối với ông Nguyễn Tấn Q, ông Nguyễn Tấn T và bà Đặng Thị L: khi Nguyễn Thị Tuyết N đem xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đen đỏ, số máy: JF63E2326926, số khung: 6323HZ272150 không gắn biển kiểm soát về gửi lại thì N nói xe mô tô trên do N mua lại từ một tiệm cầm đồ với giá 20.000.000 đồng, đang làm lại biển kiểm soát chính chủ. Ông Q, ông T và bà L không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do Nguyễn Thị Tuyết N trộm cắp mà có nên không cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 107; Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Tuyết N** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 13/9/2024).

[2] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Nguyễn Thị Tuyết N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen, số máy: JF46E- 4054979, số khung: RLHJF4604DY227829, biển kiểm soát 73H1-104.57.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ 01 (một) đĩa DVD chứa đoạn video trích xuất từ dữ liệu camera ghi lại hình ảnh trộm cắp tài sản của Nguyễn Thị Tuyết N.

(Tất cả số vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2024)

[3] Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Q xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND TP T;
- Công an TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- TAND tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Diễm